

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH MINH HƯNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH MINH HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HUNG TOURISM AND TRADING BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109309371

3. Ngày thành lập: 14/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 ngõ 24 phố Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901.424.888

Fax:

Email: trinhnh060679@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác dầu thô	0610
4.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
5.	Khai thác quặng sắt	0710
6.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
7.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
8.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
12.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Sản xuất than cốc	1910
18.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
19.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102

22.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình điện	4221
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28.	Xây dựng công trình thủy	4291
29.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
30.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá) Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)	4620
41.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán buôn đồ uống	4633
44.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
50.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm mua bán vàng miếng)	4662
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)	4669

54.	Bán buôn tổng hợp	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
57.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, tem và tiền kim khí)	4773
62.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
63.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe ô tô (Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
68.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
69.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
70.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
71.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

6. Vốn điều lệ: 7.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 790.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ CHÍ HIẾU	13b Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	237.000	2.370.000.000	30,000	012143421	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	237.000	2.370.000.000	30,000		
2	LÊ THÚY HƯƠNG	Số 20 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.100	1.501.000.000	19,000	012143483	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.100	1.501.000.000	19,000		

3	LÊ THỊ KIM ANH	13b Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	402.900	4.029.000.000	51,000	0011780227 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	402.900	4.029.000.000	51,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ KIM ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001178022721

Ngày cấp: 31/03/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13b Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 13b Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội